

CÔNG TY CP LIÊN MINH THỊNH VƯỢNG TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP LIÊN MINH THỊNH VƯỢNG TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL PROSPEROUS ALLIANCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GPAC, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110478222

3. Ngày thành lập: 15/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 29 Phố Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0336460981

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác. (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá);	4610

13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
15.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống không có cồn - Bán buôn bia - Bán buôn rượu Điều 12 ND 105/2017-ND-CP	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
26.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	8299
29.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Loại trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo	8559
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
31.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác Chi tiết: Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu (trừ lưu trú bệnh nhân).	8790
32.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác Chi tiết: Tư vấn tâm lý; Tư vấn hướng nghiệp; hoạt động hướng dẫn đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho những người thất nghiệp, những người mà sự giáo dục bị hạn chế	8890
33.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
34.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
35.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
36.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
37.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

38.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (thực hiện theo Nghị định 72/2013/NĐ-CP); Dịch vụ thương mại điện tử (thực hiện theo Nghị định 52/2013/NĐ-CP)	6312
39.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động thương mại điện tử (Trừ hoạt động cắt xén thông tin, báo chí)	6399
40.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
41.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản	6810
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn pháp luật về bất động sản); Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13	6820
43.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
44.	Quảng cáo (Trừ hợp báo)	7310(Chính)
45.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	7320
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động tư vấn chứng khoán, hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)	7490
48.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đấu giá)	7710
49.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ loại Nhà nước cấm)	0730
53.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891

54.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không hoạt động tại trụ sở)	1040
55.	Sản xuất các loại bánh từ bột (Không hoạt động tại trụ sở)	1071
56.	Sản xuất cà phê	1077
57.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	1079
58.	In ấn (Trừ dập khuôn tem)	1811
59.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ dập khuôn tem)	1812
60.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	2399
61.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không hoạt động tại trụ sở)	2420
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
64.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
65.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (Hoạt động bán lẻ thiết bị thông tin, liên lạc như máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, hàng điện tử và điện tử tiêu dùng lưu động hoặc tại chợ.)	4783
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động của đấu giá viên)	4789
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
68.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
69.	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sắt	4912
70.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
71.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
72.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
75.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
79.	Cơ sở lưu trú khác	5590
80.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);	5610
81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
83.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
84.	Hoạt động xuất bản khác Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	5819
85.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ sản xuất phim truyền hình, chương trình truyền hình)	5911
86.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ hoạt động xuất bản)	5920
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
88.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (loại trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu, dịch vụ việc làm)	7810
89.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820
90.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7830
91.	Đại lý du lịch	7911
92.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế Điều 30 Luật Du Lịch	7912
93.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ chuyên giao công nghệ	7990

94.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư (Theo điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13) - Kinh doanh khai thác và quản lý chợ (Theo Điều 7 Nghị định 02/2003/NĐ-CP phát triển quản lý chợ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 114/2009/NĐ-CP)	8110
95.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ, kế toán, kiểm toán)	8211
96.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
97.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
98.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
99.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
100.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
101.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
102.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
103.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
104.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
105.	Thu gom rác thải độc hại	3812
106.	Xây dựng nhà để ở	4101
107.	Xây dựng nhà không để ở	4102
108.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
109.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
110.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
111.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
112.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
113.	Xây dựng công trình thủy	4291
114.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
115.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
116.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
117.	Phá dỡ (không bao gồm nổ mìn)	4311
118.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm Đào mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
119.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

121.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
122.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Vải;- Len, sợi;- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;- Hàng dệt khác;- Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...	4751
123.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
124.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
125.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
126.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
127.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
128.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 50.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DIỆU THÚY	Số 159 Phố Hàng Bạc, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	5,000	0011740008 54	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500	25.000.000	5,000		
2	VŨ THỊ OANH	Xóm Đoàn Kết 1, Xã Trung Hội, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	5,000	0191630016 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500	25.000.000	5,000		

3	ĐÀO THỊ AN	Đội 11, Xã Chính Mỹ, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	90,000	034186003302
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ OANH**

Giới tính: **Nữ**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **15/12/1963**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **019163001689**

Ngày cấp: **04/02/2022**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Xóm Đoàn kết 1, Xã Trung Hội, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Xóm Đoàn kết 1, Xã Trung Hội, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội